

Bản án số: 138/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09 – 8 – 2024
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

2. Bà Nguyễn Thị Tú Oanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Việt Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Tấn D, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim X trình bày:*

Tôi và ông Đoàn Tấn D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, TP., tỉnh Đắk Lắk vào ngày 09/6/2009. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, kéo dài, không thể hòa giải được. Tôi và ông Đoàn Tấn D đã sống ly thân từ năm

2020 cho đến nay. Nay tôi xác định không còn tình cảm với ông Đoàn Tấn D nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Đoàn Tấn D.

Về con chung: Tôi và ông Đoàn Tấn D có một con là cháu Đoàn Nguyễn Quỳnh Q, sinh ngày 30/8/2010. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q cho đến tuổi trưởng thành.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu ông Đoàn Tấn D phải cấp dưỡng nuôi cháu Q.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông Đoàn Tấn D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Đoàn Tấn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Đoàn Tấn D vắng mặt không tham gia tố tụng.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án, thời hạn xét xử đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 97, từ Điều 171 đến Điều 175, Điều 177, Điều 203, Điều 220 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim X.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim X được ly hôn với ông Đoàn Tấn D.

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Kim X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Nguyễn Quỳnh Q, sinh ngày 30/8/2010 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Kim X không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim X không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim X phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Kim X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với ông Đoàn Tấn D, đây là quan hệ “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Bị đơn ông Đoàn Tấn D có địa chỉ tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn ông Đoàn Tấn D nhưng ông Đoàn Tấn D không tham gia tố tụng, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà bị đơn ông Đoàn Tấn D vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim X và ông Đoàn Tấn D tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, TP ., tỉnh Đắk Lắk vào ngày 09/6/2009, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà Nguyễn Thị Kim X xác định vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, kéo dài, không thể hòa giải được. Bà xác định không còn tình cảm với ông D, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đoàn Tấn D.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Kim X và ông Đoàn Tấn D phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim X và ông Đoàn Tấn D có xảy ra, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, ông bà đã sống ly thân nhau từ năm 2020 cho tới nay. Bà Nguyễn Thị Kim X đã cương quyết xin ly hôn với ông Đoàn Tấn D, vì vậy nếu kéo dài quan hệ hôn nhân thì không đạt được mục đích của hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim X, giải quyết cho bà Nguyễn Thị Kim X được ly hôn với ông Đoàn Tấn D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim X và ông Đoàn Tấn D có 01 con là Đoàn Nguyễn Quỳnh Q, sinh ngày 30/8/2010. Khi ly hôn nguyện vọng của bà Nguyễn Thị Kim X xin nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy Cháu Đ Nguyễn Quỳnh Q có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu hiện nay còn nhỏ và đang ở cùng bà Nguyễn Thị Kim X, đang trong độ tuổi phát triển tâm sinh lý. Để đảm bảo quyền nuôi con và tạo sự ổn định cuộc sống của con chung, cần giao cho bà Nguyễn Thị Kim X được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đoàn

Nguyễn Quỳnh Q, sinh ngày 30/8/2010 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **Nguyễn Thị Kim X** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà **Nguyễn Thị Kim X** và ông **Đoàn Tấn D** không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà **Nguyễn Thị Kim X** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Kim X**.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà **Nguyễn Thị Kim X** được ly hôn với ông **Đoàn Tấn D**.

2. *Về con chung*: Giao cho bà **Nguyễn Thị Kim X** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Đoàn Nguyễn Quỳnh Q**, sinh ngày 30/8/2010 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **Nguyễn Thị Kim X** không yêu cầu nên không giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà **Nguyễn Thị Kim X** không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà **Nguyễn Thị Kim X** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0005399 ngày 28/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT; Tỉnh;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CC THADS TP. BMT;
- UBND Khánh Xuân, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk (Giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 09/6/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT.

Trần Đại Minh